

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

ĐỘ TUỔI 4 - 5 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Chiều cao cân nặng			
1	Chiều cao cân nặng cần đạt cuối độ tuổi	- Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: đạt 14,1 – 24,2 kg + Trẻ gái: đạt 13,7 – 24,9 kg. - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: đạt 100,7 – 119,2 cm. + Trẻ gái: đạt 99,9 – 118,9 cm	9
b) Phát triển vận động			
2	Trẻ có thể thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1->9
3	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn (6) - Đi trên ghế thể dục (3) - Đi bước lùi (3m) (5) - Đi bằng gót chân (1,9) - Đi khụy gối (2)	1,2,3, 5,6,9
4	Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (4) - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn (8) - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (6)	4,6,8

5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bắt bóng với người đối diện (2) - Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay (1,9) - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng) (7) - Đập và bắt bóng tại chỗ (5)	1,2,5, 7,9
6	Trẻ có thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. (8) - Chạy chậm 60 - 80m (9) - Ném trúng đích bằng 1 tay (đích ngang) (7,9) - Ném xa bằng 2 tay (4,9) - Ném xa bằng 1 tay (3) - Bò trong đường dích dắc qua 5 điểm (6) - Bò bằng bàn tay bàn chân 3 - 4 m (1) - Bò chui qua cổng (2) - Bò chui qua ống dài (1,2m x 0,6 m) (7,9) - Trườn theo hướng thẳng (3) - Trèo qua ghế dài (1,5m x 30 cm) (4) - Trèo lên xuống 5 giống thang (5) - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân (5) - Bật liên tục về phía trước (1) - Bật xa 35 - 40 cm (3) - Bật qua vật cản (10 - 15 cm) (8) - Bật tách khếp chân qua 5 ô (6,9) - Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35cm) (4) - Nhảy lò cò 3m (7)	1->9
7	Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay,	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi ...	1,2,3
8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây	- Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	1-> 9

	giày.		
	c) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
9	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).	2
10	Trẻ có thể nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	2,5,6
11	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,5,6
12	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	1,3,4,7
13	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		4
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	1, 2, 6
15	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. Cách mặc trang phục thái - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. (nhà vệ sinh nam, nhà vệ sinh nữ)	3, 4, 6, 8

	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.		
16	Trẻ có thể nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số vật dụng có thể gây cháy, nổ. - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3
17	Trẻ có thể nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết những nơi không an toàn và nguy hiểm.	8
18	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	1, 2, 6
19	Trẻ có thể nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3, 8

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

20	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.	1, 2
21	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. Bảo vệ rừng	5,6,7, 8
22	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. biến đổi khí hậu nắng nóng kéo dài; Rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến con người và sự vật, một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.	8
23	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Cách ứng phó đơn giản với một số hiện tượng BDKH ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	8
24	Trẻ có thể nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	3,5,6
25	Trẻ có thể nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. (Mưa đá, động đất, gió lốc, hạn hán...) . Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. Nguyên nhân và tác hại của một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét.	1, 3,5, 6, 8

26	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu, đồ dùng gia đình người thái - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	1, 3, 5, 6
27	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	<i>(Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác)</i>	7
28	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	<i>(Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác)</i>	3, 5, 7
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi	1->5, 7, 8, 9
30	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		
31	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
32	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	1, 2, 3, 4
33	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	
34	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	
35	Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	7
36	Trẻ có thể nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	7
37	Trẻ có thể sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	6, 8

	quả đo và so sánh.		
38	Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	6,7
39	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	3, 7
40	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2,9
41	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8
c) Khám phá xã hội			
42	Trẻ có thể nói họ và tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính (trai, gái), đặc điểm bên ngoài (tóc, quần áo, cao thấp), sở thích (thích, không thích) của bản thân	2
43	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên (ông, bà, anh, chị, em) trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên (ông, bà, anh, chị, em) , công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. một số nhu cầu của gia đình (đi chơi, cùng ăn các món ăn, đi ngủ...), địa chỉ (thôn, xóm/ làng, bản/xã, huyện) gia đình.	3
44	Trẻ có thể nói được địa chỉ của gia đình (thôn, xóm/ làng, bản/xã, huyện) khi được hỏi trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình	3
45	Trẻ nói được tên và địa chỉ (thuộc bản, xã, huyện, tỉnh), của trường, lớp (thuộc bản, xã) khi được hỏi, trò chuyện	- Tên địa chỉ của trường (thuộc bản, xã, huyện, tỉnh), lớp (thuộc bản, xã) . tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường	1
46	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1
47	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm (béo, gầy, cao, thấp, trang phục dân tộc: Thái) của các bạn trong lớp	- Họ tên và một vài đặc điểm ((béo, gầy, cao, thấp, trang phục dân tộc: Thái) của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1, 2

	khi được hỏi, trò chuyện.		
48	Trẻ có thể kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương	4
49	Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (lễ hội hoa ban, ném còn...).	- Tên và đặc điểm của một số ngày lễ hội .	1, 3, 6, 9
50	Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử (Hận Thù Noong Nhai, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Thanh An, đồi a1, bảo tàng, nghĩa trang liệt sỹ, tượng đài chiến thắng...) ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. ngày 7/5, lễ hội hoa ban, di tích Hận thù Noong Nhai, đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, ...	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
51	Trẻ có thể thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu	4
52	Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm	1, 2, 3, 5, 6, 7
53	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Trả lời và đặt các câu hỏi: „ai?“, „Cái gì?“, „Ở đâu?“, „Khi nào?“, „Để làm gì?“	1, 2, 3, 6, 7
54	Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được. (8,9)		8, 9
55	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...(4)	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó	4
56	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép..	4, 6, 7
57	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	8
58	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
59	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	7, 8, 9

		- Kể lại truyện đã được nghe.	
60	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.	5,7
61	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1, 4
62	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	5
63	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	5, 6
64	Trẻ có thể chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	6
65	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	7, 8, 9
66	Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1, 7
67	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Nhận dạng một số chữ cái.. (Trẻ nhận biết, phát âm được từ 10 đến 15 chữ cái) - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	3,4,6, 8, 9
4. Lĩnh vực giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội			
68	Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính (trai gái) của bản thân, tên bố, mẹ.	2, 3
69	Trẻ có thể nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích (Thích, không thích), khả năng (làm được, không làm được) của bản thân	2, 5, 6
70	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1->9
71	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		4
72	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	2
73	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận	2, 6, 7

	giận, ngạc nhiên.	động; vẽ, nặn, xếp hình ...	
74	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ	9
75	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
76	Trẻ biết một vài cảnh đẹp (Khu sinh thái Him Lam, suối nóng U Va)..., lễ hội (Tết nguyên đán; lễ hội hoa ban, , ném còn, ngày 20/11; ngày 22/12; ngày 8/3) của quê hương	- Quan tâm đến di tích lịch sử (Hận thù Noong Nhai, đồi A1, bảo tàng, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Thanh An, hầm chờ cát, tượng đài chiến thắng...), cảnh đẹp (Khu sinh thái Him Lam, suối nóng U Va....), lễ hội (Tết nguyên đán, lễ hội hoa ban, ném còn, ngày 20/11; ngày 22/12; ngày 8/3) của quê hương, đất nước	6, 9
77	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1, 3, 7, 9
78	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1, 2, 6
79	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.	4
80	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt.	2
81	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	- Hợp tác với bạn. - Quan tâm, giúp đỡ bạn.	4,7,8, 9
82	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	5, 6
83	Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa.		6
84	Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	3, 5
85	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	1, 8
5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ			
86	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và	6, 8

	gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
87	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		
88	Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	1->9
89	Trẻ có thể hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->9
90	Trẻ có thể vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1->9
91	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	8, 9
92	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		1->9
93	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		3, 5, 6, 7, 8, 9
94	Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		1, 2, 6
95	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		2, 7, 9
96	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	7
97	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận	8

	hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	động theo nhạc.	
98	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	4, 6, 9
99	Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	5, 9
100	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	9

KÝ DUYỆT

Trần Thị Vui

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	ĐC BS
Từ ngày 8/9 đến 03/10/2025	1	Trường mầm non -Tết trung thu	Bé vui đến trường	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9- Tết trung thu	
			Cô giáo và các bạn	1		
			Đồ dùng đồ chơi	1		
			Tết trung thu	1		
Từ ngày 06/10 đến 31/10/2025	2	Bản thân	Bé là ai	1		
			Cơ thể bé	1		
			Cảm xúc của bé	1		
			Bé cần gì để khỏe mạnh	1		
Từ ngày 03/11 đến 28/11/2025	3	Gia đình - Ngày Nhà giáo việt Nam 20/11	Những người thân yêu của bé	1	- Ngày NGVN 20/11	
			Ngôi nhà của bé	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
			Đồ dùng gia đình bé	1		
Từ ngày 1/12 đến 26/12/2025	4	Một số nghề - Ngày 22/12	Các nghề bé biết	1		
			Nghề xây dựng - sản xuất	1		
			Bé làm chủ bộ đội	1		
			Ước mơ của bé	1		
Từ ngày 29/12 đến 23/1/2026	5	Thế giới động vật -	Con vật nuôi trong gia đình.	1		
			Động vật sống trong rừng	1		
			Con vật sống dưới nước	1		
			Côn trùng, chim	1		
Từ ngày 26/1- 27/2/ 2026	6	Thế giới thực vật	Cây xanh	1	Tết nguyên đán (1/1 âm lịch)	
			Một số loại hoa, quả.	1		
			Tết và mùa xuân			
			Một số loại rau	1		
Từ ngày 6/3 đến 27/3/2026	7	Giao thông – Ngày 8/3	Ngày hội 8/3	1	- Ngày QTPN 8/3.	
			Một số PTGT đường bộ	1		
			Một số PTGT đường thủy - hàng không	1		
			Một số quy định GT đường bộ	1		

Từ ngày 30/3 đến 17/4/ 2026	8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	Một số hiện tượng tự nhiên	1		
			Mùa hè	1		
			Sự kỳ diệu của nước	1		
Từ ngày 20/4 đến 22/5/ 2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học	Quê hương Điện Biên	1	- Sinh nhật Bác 19/5 - Tổng kết năm học	
			Đất nước	1		
			Tuần ôn 30/1-1/5			
			Bác Hồ kính yêu	1		
			Trường tiểu học	1		
Tổng				35		

